

Bản án số: 10/2024/DS-ST

Ngày: 21/6/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SẦM SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Mai

Ông Chu Ngọc Trọng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sầm Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 6 năm 2024. Tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số:120/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (Q)

Địa chỉ: Tầng A và tầng 2, tòa nhà S -A P, phường B, quận A, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Ngọc V – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đình H – Giám đốc thu hồi nợ và xử lý nợ

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Chí T và Ông Chu Quang M – Cán bộ ngân hàng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T1 – SN 1993;

Địa chỉ: Tổ dân phố K, phường Q, TP S, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Phạm Thị H1 – SN 2000;

HKTT: Tổ dân phố K, phường Q, TP S, tỉnh Thanh Hóa

Hiện trú tại: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt đại diện nguyên đơn; Vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Đình T1, chị Phạm Thị H1. (chị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 7 năm 2023 cũng như qua khai báo, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Anh Nguyễn Đình T1, chị Phạm Thị H1 vay vốn tại Ngân hàng TMCP Q (Q) theo hai hợp đồng tín dụng:

HD số 7047887.22 ngày 23/09/2022 (hợp đồng số 1) với nội dung: VIB cho ông Nguyễn Đình T1 và bà Phạm Thị H2 vay với số tiền là 500.000.000 đồng Thời hạn vay 96 tháng từ 24/9/2022 đến 23/9/2030; mục đích vay: Mua xe ô tô K3, mục đích tiêu dùng, theo hợp đồng mua bán số 91-16/7/2022 ký ngày 15/7/2022 giữa công ty TNHH S và ông Nguyễn Đình T1, lãi xuất tại thời điểm giải ngân là 10.4%/năm, lãi suất này là lãi suất ưu đãi và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên, kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng, hết thời hạn ưu đãi nói trên lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4.1%/năm; Hoàn trả khoản tín dụng gốc vào ngày 25 hàng tháng, mỗi tháng trả 5.209.000 đồng, ngày trả gốc đầu tiên là vào ngày 25/10/2022, ngày trả lãi là vào ngày 25 hàng tháng, ngày trả lãi đầu tiên vào ngày 25/10/2022, trả phí theo quy định của Q từng thời kỳ. **Ngày 23/9/2022** Q đã giải ngân cho ông Nguyễn Đình T1 bà Phạm Thị H1 theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 7047887(1).22 ngày 23/9/2022 với số tiền 500.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

HD số 5391186.22 ngày 27/9/2022 (hợp đồng số 2) với nội dung: VIB cho ông Nguyễn Đình T1 và bà Phạm Thị H2 vay với số tiền là 500.000.000 đồng; Thời hạn vay 120 tháng từ 01/10/2022 đến 30/9/2032; mục đích vay: Sửa chữa nhà không làm thay đổi kết cấu bao gồm mua sắm trang thiết bị gia đình tại khu phố K, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa, lãi xuất tại thời điểm giải ngân là 12.1%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 3.3%/năm; Hoàn trả khoản tín dụng gốc vào ngày 29 hàng tháng, mỗi tháng trả 4.167.000 đồng, ngày trả gốc đầu tiên là vào ngày 29/10/2022, ngày trả lãi là vào ngày 29 hàng tháng, ngày trả lãi đầu tiên vào ngày 19/10/2022, trả phí theo quy định của Q từng thời kỳ. **Ngày 30/9/2022** Q đã giải ngân cho ông Nguyễn Đình T1 bà Phạm Thị H1 theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 5391186(1).22 ngày 30/9/2022 với số tiền 500.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng cho vay, ông T1 bà H1 đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại hai hợp đồng đã ký vì vậy Q đã chuyển khoản vay thành nợ quá hạn từ ngày 28/2/2023; Tạm tính đến ngày 21/7/2023 ông T1 bà H1 đã trả cho Q số tiền tổng cộng là 106.251.001 đồng (Trong đó nợ gốc trả 59.602.218 đồng, nợ lãi trả 46.492.266, nợ lãi quá hạn trả 156.517 đồng); Hiện nay cả hai hợp

đồng anh T1, chị H1 còn nợ ngân hàng tính đến hết ngày 21/6/2024 là 1.184.737.685 đồng (Trong đó nợ gốc còn 940.397.782 đồng, nợ lãi trong hạn 51.052.516 đồng, nợ lãi quá hạn 193.287.387 đồng);

Biện pháp bảo đảm khoản tiền vay cho hợp đồng số 5391186.22 ngày 27/9/2022: Là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 716, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: Thôn T, xã Q, thị xã S, tỉnh Thanh Hóa (nay là TDP K, phường Q, TP S, tỉnh Thanh Hóa) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CE 499460, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00059/QĐ: 7101/QĐ-UBND do UBND thị xã S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/09/2016 cho ông Nguyễn Đình T1; Theo hợp đồng thế chấp số 8982778.22 ngày 27/9/2022, số công chứng 6876, quyền số 09/2022/TP/CC-SCC/HĐGD, do văn phòng C1, tỉnh Thanh Hóa địa chỉ số A Q, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa công chứng ngày 27/09/2022.

Vì vậy ngân hàng Q yêu cầu Tòa án buộc ông T1 bà H1 có nghĩa vụ thanh toán, tính đến hết ngày 21/6/2024, đối với cả hai hợp đồng nêu trên, tổng cộng là 1.184.737.685 đồng. Trong đó nợ gốc 940.397.782 đồng, nợ lãi trong hạn 51.052.516 đồng, nợ lãi quá hạn 193.287.387 đồng, và tiếp tục trả lãi theo thuận đối với số tiền nợ gốc còn lại cho đến khi thanh toán hết. Trường hợp ông T1 bà H1 không thanh toán được thì VIB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi vốn cho ngân hàng, nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của ông T1 bà H1 tại VIB thì VIB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản khác và nguồn thu nhập hợp pháp của ông T1 bà H1 để thanh toán nghĩa vụ còn lại của ông T1 bà H1 tại Q.

Bị đơn bà Phạm Thị H1 trình bày tại bản khai ngày 16/01/2024. Chị thừa nhận vợ chồng có vay vốn của ngân hàng Q, với tổng số tiền một tỷ đồng theo hai hợp đồng tín dụng như nguyên đơn đã trình bày, mức lãi suất, phương thức thanh toán, thời hạn thanh toán được các bên thỏa thuận chi tiết theo hai hợp đồng tín dụng, quá trình thực hiện hai hợp đồng, anh chị đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng như nội dung mà ngân hàng đã trình bày trong đơn khởi kiện là đúng, tài sản đảm bảo cho khoản vay là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 716, tờ bản đồ số 02, địa chỉ: KP K, phường Q, Thành phố S, tỉnh Thanh Hóa, mang tên Nguyễn Đình T1 và thế chấp 01 xe ô tô KIA-K3 biển kiểm soát 36A- 83055 mang tên Nguyễn Đình T1. Nay ngân hàng khởi kiện đòi nợ, chị đề nghị phía ngân hàng cho anh chị được trả dần số nợ trên, trường hợp trả được nợ thì chị đồng ý xử lý tài sản đảm bảo để trả nợ cho ngân hàng theo quy định.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của ngân hàng Q giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quá trình thẩm định: Xác định được được tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa số 716, tờ bản đồ số 2 địa chỉ TDP K, phường Q, TP S, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CE 499460, số vào sổ cấp GCN: CH 00059/QĐ: 7101/QĐ-UBND do UBND thị xã S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/09/2016 mang tên ông Nguyễn Đình T1; Diện tích 266m², đất ở 100m², đất trồng cây lâu năm 166m²,

Có các cạnh và tứ cận như sau:

Cạnh phía đông dài 19,8 mét, giáp phần đất ông Văn Đình Lam

Cạnh phía Tây dài 19,9 mét, giáp phần đất hộ ông Lê Xuân H3

Cạnh phía Nam dài 13,8 mét giáp hộ ông Lê Hữu T2

Cạnh phía Bắc dài 12,7 mét, giáp đường đi

Tài sản gắn liền với đất gồm: 01 ngôi nhà cấp 4, mái bê tông, phía trước có 01 mái bán bình lợp tôn xộp. Hiện trạng thửa đất và tài sản gắn liền với đất không có thay đổi so với thời điểm thế chấp.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân TP Sầm Sơn phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký, nguyên đơn là đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng Dân sự và đưa ra quan điểm về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi cho ngân hàng Q theo hai hợp đồng đã ký, số tiền còn nợ lại tính đến hết ngày 21/6/2024 là 1.184.737.685 đồng. Trường hợp ông T1 bà H1 không thanh toán được thì VIB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi vốn cho ngân hàng. Buộc bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng Q khởi kiện ông Nguyễn Đình T1 bà Phạm Thị H1 là loại án: Tranh chấp hợp đồng tín dụng được quy định trong bộ luật Dân sự, ông T1 bà H1 có hộ khẩu thường trú tại phường Q, thành phố S, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn và được tòa án thụ lý theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đình T1 đã được triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa đến lần thứ hai, việc triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị H4 có đơn xin đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt đề ngày 21/3/2024 (BL 93) Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T1, chị H4 là đúng với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc, nợ lãi: Về quy trình, thủ tục cho vay vốn, thu hồi vốn và khoản nợ gốc theo hai hợp đồng cho vay số 7047887.22 ngày 23/09/2022 và HĐ số 5391186.22 ngày 27/9/2022 giữa ngân hàng Q và anh Nguyễn Đình T1, chị Phạm Thị H1, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của luật tổ chức tín dụng và phù hợp với các quy định về việc cho vay tài sản của bộ luật Dân sự. Do đó xác định đây là hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Ngày 30/9/2022 Q đã giải ngân cho ông Nguyễn Đình T1 bà Phạm Thị H1 theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 5391186(1).22 ngày 30/9/2022 với số tiền 500.000.000 đồng (*khoản vay số 1*) và ngày 23/9/2022 Q đã giải ngân cho ông Nguyễn Đình T1 bà Phạm Thị H1 theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 7047887(1).22 ngày 23/9/2022 với số tiền 500.000.000 (*khoản vay số 2*). Quá trình thực hiện hợp đồng anh T1 chị H1 mới thanh toán được cho ngân hàng đối với cả hai khoản vay là 106.251.001 đồng. Trong đó nợ gốc trả 59.602.218 đồng, nợ lãi trả 46.492.266, nợ lãi quá hạn trả 156.517 đồng.

Số tiền còn nợ lại của khoản vay số 1 là: Nợ gốc 481.651.782 đồng, nợ lãi trong hạn 34.516.280 đồng, nợ lãi quá hạn là 100.919.243 đồng. Tổng cộng 617.087.305 đồng;

Số tiền còn nợ lại của khoản vay số 2 là: Nợ gốc 458.746.000 đồng, nợ lãi trong hạn 16.536.236 đồng, nợ lãi quá hạn là 92.368.144 đồng. Tổng cộng 567.650.380 đồng;

Tổng cả hai khoản vay còn nợ lại tính đến hết ngày 21/6/2024 là 1.184.737.685 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng Q đề nghị Tòa án buộc anh T1 chị H1 phải trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến hết ngày 21/6/2024 là 1.184.737.685 đồng là đúng với quy định của pháp luật, bị đơn chị Phạm Thị H1 cũng thừa nhận, vì vậy yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì nguyên đơn có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi vốn cho ngân hàng.

Xét quan điểm của bị đơn chị Phạm Thị H1. Chị thừa nhận vợ chồng chị còn nợ ngân hàng theo như trình bày của người đại diện nguyên đơn, nhưng chị đề nghị được trả dần khoản nợ, nếu không trả được thì chị đồng ý cho ngân hàng đề nghị phát mãi tài sản thế chấp. Đề nghị của chị H1 về việc trả dần khoản nợ, ngân hàng không đồng ý nên không được chấp nhận.

Tại bản tự khai ngày 16/01/2024 chị khai tài sản thế chấp cho hai khoản vay là thửa đất số 716 tờ bản đồ số 2, tại TDP K, phường Q, TP S, tỉnh Thanh Hóa và 01 xe ô tô KIA-K3 biển kiểm soát 36A- 83055 – Mang tên anh Nguyễn Đình T1 là chưa chính xác. Vì theo hợp đồng thế chấp số 8982778.22 ngày 27/9/2022 thì

tài sản đảm bảo cho khoản vay là thửa đất số 716 tờ bản đồ số 2, tại TDP K, phường Q, TP S, tỉnh Thanh Hóa, mang tên anh Nguyễn Đình T1, còn chiếc xe ô tô KIA-K3 biển kiểm soát 36A- 83055, không phải là tài sản thế chấp cho khoản vay.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, và khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463; Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 BLTTDS;

Khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí toà án.

Về khoản nợ gốc, nợ lãi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về nợ: Buộc anh Nguyễn Đình T1, chị Phạm Thị H1 phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng Q tổng số tiền tính đến hết ngày 21/6/2024 là 1.184.737.685 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 940.397.782 đồng, nợ lãi trong hạn là 51.052.516 đồng, nợ lãi quá hạn là 193.287.387 đồng.

Bị đơn anh T1 chị H1 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 21/6/2024 trên dư nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong số nợ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản là quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 716, tờ bản đồ số 02 địa chỉ TDP K, phường Q, TP S, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CE 499460, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00059/QĐ: 7101/QĐ-UBND do UBND thị xã S, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/09/2016 mang tên anh Nguyễn Đình T1; Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ nghĩa vụ của ông T1 bà H1 tại VIB thì VIB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản khác và nguồn thu nhập hợp pháp của ông T1 bà H1 để thanh toán nghĩa vụ còn lại của ông T1 bà H1 tại Q.

Về án phí: Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 20.850.000 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Ký hiệu BLTU/23 số 0004710 ngày 08/12/2023 tại chi cục thi hành án dân sự thành phố sầm sơn. Bị đơn anh Nguyễn Đình T1 chị Phạm Thị H1 phải chịu 47.542.000 đồng tiền án phí DSST.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án được quyết định thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP. Sầm Sơn;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Phong